

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 4 - 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cường Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt);

Bị đơn: Ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ), sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn VK, xã HV, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) có kết hôn với nhau ngày 07 tháng 02 năm 1992, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện TS, tỉnh HB (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh), khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn VK, xã HV, huyện TS (nay là huyện Tiên Du) cho đến nay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính

tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, ông Đ không có trách nhiệm gì với gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, ngoài ra còn chơi cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập bà, vì các con nên bà đã cố gắng chịu đựng, khuyên bảo ông Đ nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng đến khoảng cuối năm 2024 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tiến Đ (tức Nguyễn Văn Đ).

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 22/5/1992 và cháu Phạm Tiến M, sinh ngày 20/10/1997. Hiện các cháu đã trưởng thành và ra ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà Dương Thị T không trình bày gì thêm khác.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) trình bày:*

Ông có tên gọi khác là Nguyễn Văn Đ do bố mẹ nuôi đặt cho nên trong Giấy chứng nhận kết hôn có tên là Nguyễn Văn Đ, còn tên thật của ông là Phạm Tiến Đ. Ông xác nhận lời trình bày của bà Dương Thị T về thời điểm, điều kiện kết hôn là đúng. Ông và bà T kết hôn vào ngày 07/02/1992 tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện TS, tỉnh HB (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh), khi đăng ký cả hai đều tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau ở thôn VK, xã HV, huyện TS, tỉnh HB (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến cuối năm 2024 ông và bà T sống ly thân với nhau, bà T chuyển ra ngoài thuê trọ ở. Nay bà Dương Thị T làm đơn ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên cũng đồng ý ly hôn với bà Dương Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 22/5/1992 và cháu Phạm Tiến M, sinh ngày 20/10/1997. Hiện các cháu đã trưởng thành và ra ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc gia đình nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên xét xử của Tòa án.

Ngoài ra ông Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị T. Xử cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ).

- Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị T có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) hiện đang cư trú tại thôn VK, xã HV, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Đ vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa vào ngày 27/3/2025, tại phiên tòa hôm nay ông Đ vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 (đã xin xét xử vắng mặt), do đó căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Dương Thị T và ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) có đăng kết hôn vào ngày 07/02/1992 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện TS, tỉnh HB (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Khi kết hôn ông bà đều đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án cả bà T và ông Đ đều xác nhận quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T cho rằng thời gian đầu thì hai vợ chồng sống hòa thuận, tuy nhiên đến khoảng năm 1999 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, ông Đ không có trách nhiệm gì với gia đình, đam mê cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập bà. Bên cạnh đó, bà cũng phát hiện ông Đ có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, vì các con nhiều lần bà có tha thứ bỏ qua để vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Còn ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa, bà T xác định vợ chồng đến nay không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ). Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong lời trình bày của ông là việc bà T làm đơn xin ly hôn thì ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà T và ông Đ đều xác nhận có mâu thuẫn vợ chồng là có thật trên thực tế. Đến nay vợ chồng đã ly thân, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức, đời sống chung không thể kéo dài nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Dương Thị T làm đơn xin ly hôn, ông Phạm Tiến Đ đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Dương Thị T, xử cho bà T và ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng bà T và ông Đ có 02 con chung là cháu Phạm Tiến D, sinh năm 1992 và cháu Phạm Tiến M, sinh năm 1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, bà T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 235, 238, 262, 264, 266, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Dương Thị T. Xử cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Phạm Tiến Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ).

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận bà Dương Thị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002702, ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Bà T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã HV, huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng